

Con Đường Việt Nam – Phần XII

Thế nước - Vận nước Việt Nam hôm nay và Viễn cảnh tương lai

Trong truyền thống lịch sử Việt Nam, khái niệm “**thế nước**” thường gắn liền với vị trí địa chính trị, tương quan lực lượng và thế đứng của quốc gia trong cục diện quốc tế. Còn “**vận nước**” gắn với sức mạnh nội tại, khả năng tự cường, sự đồng thuận dân tộc, và năng lực lãnh đạo đưa đất nước tiến lên.

Một khi “thế” và “vận” hòa hợp, đất nước thường có cơ hội thăng hoa.

Một khi “thế” bị kèm hãm hoặc “vận” suy thoái, dân tộc lại rơi vào vòng thử thách, thậm chí mất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa thế kỷ XXI, Việt Nam một lần nữa đứng tại ngã ba lịch sử. Sự cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ – Trung, sự biến động của trật tự quốc tế hiện tại, cùng với những hạn chế nội tại về thể chế và phát triển, đặt ra câu hỏi lớn cho Đất và Nước Việt Nam:

***“Thế nước và vận nước Việt Nam hôm nay như thế nào?
Và tương lai sẽ đi về đâu?”***

A- Thế nước Việt Nam hôm nay

1- Vị trí chiến lược và Địa chính trị

Việt Nam có đường bờ biển 3.260 km, án ngữ Biển Đông, một tuyến đường hàng hải quan trọng bậc nhất thế giới, nơi 40% thương mại toàn cầu đi qua. 90% thương mại của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan đi qua Biển Đông. Vị trí này khiến Việt Nam trở thành một “giao điểm” quan trọng trong thế trận Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Trong khi Mỹ, Nhật, Ấn, EU muốn bảo vệ tự do hàng hải, thì Trung Cộng lại có âm mưu biến Biển Đông thành “ao nhà” qua chính sách “9 đoạn”.

Về mặt địa lý, Việt Nam tiếp giáp trực tiếp với TC, một lợi thế thương mại nhưng cũng là áp lực an ninh. Trong lịch sử, Việt Nam vừa chịu ảnh hưởng, vừa phải chống chọi với người láng giềng khổng lồ. Thế kỷ XXI không ngoại lệ: Việt Nam buộc phải tìm cách vừa hợp tác vừa kiềm chế, nhưng không rơi vào quỹ đạo lệ thuộc. Và chính sách này đã thể hiện “nhuần nhuyễn” trong suốt cuộc chiến Việt Nam, ngay từ thời ... còn ở hang Pắc Bó.

2- Ngoại giao và chính sách đối ngoại

Từ sau khi Đổi Mới, Việt Nam chủ trương **không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ**. Chính sách này giúp Việt Nam tránh bị kẹt trong một khối duy nhất, duy trì quan hệ song song với cả Mỹ, Trung Cộng, Nga, Nhật, Ấn, EU.

- Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia, là thành viên 15 FTA (bao gồm CPTPP, EVFTA, RCEP).
- Năm 2023, kim ngạch thương mại Việt – Mỹ đạt 111 tỉ USD, Việt Nam xuất siêu 95 tỉ USD sang Mỹ (USTR).
- Thương mại Việt – Trung đạt 171 tỉ USD năm 2023, nhưng Việt Nam nhập siêu hơn 60 tỉ USD (Tổng cục Hải quan VN).

Điều này cho thấy thế nước Việt Nam ở vị trí “cầu nối”, nhưng cũng đồng nghĩa với áp lực “hai gọng kìm”. Tuy nhiên, sự “cân bằng” này ngày càng khó vì Trung Cộng ngày càng áp đặt, trong khi Mỹ và đồng minh gia tăng hiện diện để đối trọng. Việt Nam buộc phải khéo léo, nhưng nguy cơ bị lôi kéo vào cạnh tranh cường quốc là điều không thể tránh, nhất là trong những năm gần đây.

3- Hội nhập kinh tế toàn cầu

Việt Nam hiện là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á, nhờ hội nhập sâu vào các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP). Xuất cảng đạt trên 350 tỉ USD/năm, chánh yếu từ FDI và gia công.

Tuy nhiên, mặt trái của nền kinh tế Việt Nam hầu như phụ thuộc nặng nề hai quốc gia kinh địch chính là:

- Nguyên liệu và máy móc nhập từ Trung Cộng;
- Hầu hết, xuất cảng sang Mỹ, EU.
- Sản xuất do FDI chi phối (Samsung, Intel, Foxconn).

Điều này, khiến Việt Nam dễ bị tổn thương khi chuỗi cung ứng đứt gãy hoặc khi quan hệ Mỹ - Trung căng thẳng, hoặc vụ áp thuế của Mỹ đánh lên hàng hóa Việt vừa qua. Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có nền công nghiệp tự chủ, và khoa học công nghệ trong nước còn yếu.

4- An ninh và chủ quyền quốc gia

Trung Cộng đã bồi đắp 7 đảo nhân tạo lớn ở Trường Sa, xây 3 đường băng dài trên 3.000m có khả năng tiếp nhận máy bay ném bom chiến lược (CSIS AMTI, 2023). Ngư dân Việt Nam thường xuyên bị xua đuổi, va chạm. Năm 2022 có 78 vụ tàu cá Việt Nam bị cản trở ở Hoàng Sa – Trường Sa (Báo cáo IUU VN). Ngân sách quốc phòng Việt Nam năm 2023: 6,2 tỉ USD (SIPRI) – chỉ bằng 1/25 so với Trung Quốc (224 tỉ USD).

Biển Đông là thách thức lớn nhất của Việt Nam sau khi biên giới tiếp giáp với TC gần như bị bỏ ngỏ. TC hầu như đã hoàn tất việc xây dựng hệ thống căn cứ quân sự trên các đảo nhân tạo, gia tăng tuần tra và xâm nhập. Việt Nam tuy có phản đối bằng con đường pháp lý (ủng hộ UNCLOS 1982, vụ kiện Philippines – TC), nhưng thực lực quân sự của Việt Nam chưa đủ mạnh để ngăn chặn sự chiếm đóng của TC.

Ngoài ra, các thách thức khác như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng... ngày càng rõ rệt, đòi hỏi Việt Nam cần phải chuẩn bị và đáp ứng dài hạn. Hiện tại, Việt Nam chưa có chính sách nào rõ rệt cho các vấn nạn trên.

B- Vận nước Việt Nam hôm nay

1- Thể chế chính trị Việt Nam

Việt Nam đứng thứ 83/180 về Chỉ số Cảm nhận tham nhũng (CPI) năm 2023 (Transparency International). Chỉ số Nhà nước pháp quyền (World Justice Project 2023): hạng 94/142. Điều sau này phản ánh một hệ thống pháp luật yếu trong kiểm soát quyền lực, tạo môi trường cho tham nhũng.

Việt Nam vẫn duy trì một chế độ toàn trị, Đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo. Hệ thống quyền lực thiếu cơ chế kiểm soát và đối trọng. Đảng Cộng sản vẫn tiếp tục lãnh đạo tuyệt đối, và điều khiển chính phủ trong việc quản lý đất nước.

Tất cả dẫn đến tham nhũng tràn lan, quản trị kém hiệu quả, niềm tin xã hội suy giảm.

Chiến dịch “đốt lò” chống tham nhũng tuy có tác dụng răn đe, nhưng chưa tạo được cải cách thể chế thực chất. Tất cả chỉ là những thanh toán nội bộ giữa các nhóm lợi ích mà thôi.

Vì thế, “Vận nước” vẫn bị kìm hãm bởi sự trì trệ.

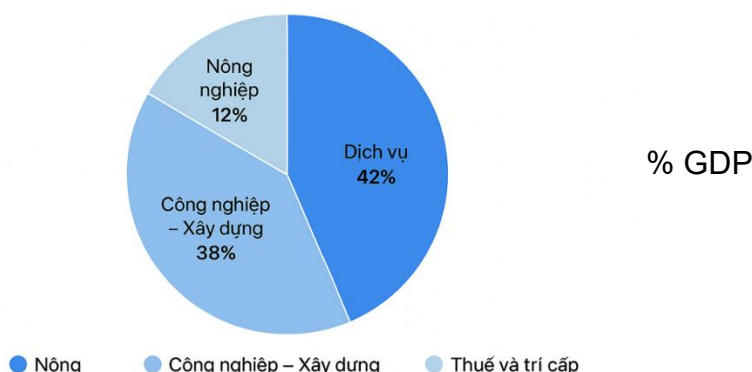
2- Giáo dục - Khoa học - Công nghệ

Nền giáo dục Việt Nam nặng về thi cử, thành tích, bộ môn chính trị và lịch sử đảng vẫn còn chiếm quá nhiều thời gian, chưa khuyến khích tư duy sáng tạo của học sinh, sinh viên. Nghiên cứu khoa học còn yếu hầu như không góp mặt với thế giới, phần lớn bài nghiên cứu “quốc tế” chảnh yếu về hình thức hơn là ứng dụng khoa học. Số Tiến sĩ cao nhứt thế giới so với tỷ lệ dân số! Vì vậy, Việt Nam chưa tạo được nền tảng khoa học công nghệ làm động lực kích hoạt cho phát triển. Việt Nam có khoảng 1.500 bài báo ISI/Scopus năm 2023, nhưng đa phần là hợp tác quốc tế, chưa tạo ra công nghệ nội sinh. Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII 2023): Việt Nam xếp 46/132. Đây là thành tích khá, nhưng chủ yếu nhờ vào thương mại FDI, không phải sáng tạo nội tại.

Quốc gia	GDP bình quân (USD)	Tỷ lệ R&D/GDP (%)
Việt Nam	4.300	0,53
Malaysia	12.500	1,38
Thái Lan	7.500	1,0
Hàn Quốc	34.000	4,8
Trung Quốc	13.500	2,4
Singapore	72.000	2,2

Giáo dục là điểm sáng nhưng cũng là hạn chế. Theo kết quả PISA 2018, học sinh Việt Nam đứng thứ 13/79 quốc gia, cao hơn cả Mỹ và nhiều nước OECD. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục thiên về học thuộc, ít khuyến khích sáng tạo. Tỷ lệ đầu tư cho R&D của Việt Nam chỉ chiếm 0,53% GDP (UNESCO, 2022), thấp hơn nhiều so với Hàn Quốc (4,8% GDP) hay Trung Quốc (2,4% GDP).

Cơ cấu GDP theo ngành (2023)



Thuế và trợ cấp khác: 8%

Hậu quả là nền kinh tế Việt Nam thiếu các tập đoàn công nghệ bản địa mạnh. Trong số 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, chỉ có vài công ty đầu tư thực sự vào nghiên cứu, còn lại chủ yếu là sản xuất gia công hoặc khai thác tài nguyên.

Vì vậy, Việt Nam vẫn chủ yếu gia công, lắp ráp cho doanh nghiệp ngoại quốc.

3- Xã hội - Văn hóa - Dân số

Dân số Việt Nam trên 100 triệu, trong đó 68% trong độ tuổi lao động (15–64 tuổi), là một lợi thế nhân khẩu học. Nhưng theo dự báo của UNFPA (2024), đến 2036 Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn dân số già, sớm hơn nhiều nước trong khu vực có thu nhập tương đương. Điều này có nghĩa là Việt Nam chỉ còn hơn một thập kỷ để tận dụng “cửa sổ vàng”. Nếu không kịp nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng lao động, Việt Nam sẽ phải đối mặt với tình trạng “già trước khi giàu”. Thêm nữa, tốc độ già hóa: tuổi thọ trung bình 73,6 tuổi, nhưng hệ thống hưu trí thiếu bền vững – Quỹ BHXH dự báo thâm hụt vào năm 2037 (ILO VN).

Dân số theo độ tuổi & dự báo già hóa 2036

Nhóm tuổi % dân số hiện nay % dự báo 2036

0–14	23%	18%
15–64	68%	61%
65+	9%	21%

Trong khi đó, hệ thống an sinh xã hội, y tế chưa đáp ứng với việc gia tăng dân số. Tầng lớp trung lưu gia tăng nhưng không theo kịp nhịp điệu phát triển, do đó, nhưng bất bình đẳng trong xã hội chẳng những được thu hẹp, mà lại, ngày càng nở rộng ra. Khoảng cách giàu nghèo càng cách xa...

Về văn hóa, tinh thần dân tộc vẫn mạnh, người dân kiên cường, nhưng khát vọng chưa được chuyển hóa thành hành động và... cải cách thể chế.

Lòng tin vào tương lai đất nước còn phân hóa với một bộ phận lạc quan vì được đãi ngộ, một đại bộ phận bi quan hơn nhiều vì luôn đứng ngoài lề xã hội.

Có nhiều người chọn “di cư tri thức” để tìm cơ hội khác. Và cán bộ, lãnh đạo chọn “di cư kinh tế” để được ... hạ cánh an toàn.

Gần 250.000 người Việt du học ở nước ngoài (UNESCO, 2022), cho thấy chảy máu chất xám đáng kể.

Đất nước rồi đây sẽ ra sao?

4- Môi trường và Phát triển bền vững

Ô nhiễm không khí ở Hà Nội, TP.HCM, thiếu nước sạch ở các đô thị lớn, hạn hán và hiện tượng trơ đất, và sa mạc hóa đe dọa Đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội và TP.HCM thường xuyên nằm trong nhóm 10 thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới (IQAir 2023). **Tất cả cảnh báo cho sự phát triển không cân bằng và thiếu bền vững.**

Theo World Bank (2023), Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu. Riêng Đồng bằng sông Cửu Long – nơi sinh sống của hơn 18 triệu người và sản xuất 50% sản lượng lúa gạo, 70% thủy sản, có nguy cơ mất 40% diện tích nếu mực nước biển dâng 1 mét.

Tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị ngày càng nghiêm trọng. Báo cáo IQAir (2023) xếp Hà Nội trong top 20 thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới, với nồng độ bụi mịn PM2.5 trung bình cao gấp 5–7 lần khuyến cáo của WHO. Điều này kéo theo chi phí y tế khổng lồ, với ước tính khoảng 4–5% GDP/năm (WB, 2022).

Nếu không cải thiện, đây sẽ là “nút thắt cổ chai” kìm hãm vận nước lâu dài như đã kìm hãm suốt 50 năm qua!

C- Dự báo tương lai

1- Kịch bản tích cực

Trong kịch bản này, Việt Nam tận dụng được “cửa sổ vàng” dân số, thực hiện cải cách thể chế sâu rộng, đồng thời hội nhập quốc tế một cách khôn ngoan.

Trước hết, kinh tế chuyển dịch từ gia công sang sáng tạo. Nếu Việt Nam nâng tỷ lệ đầu tư cho R&D từ 0,53% GDP (2022) lên 2% GDP vào 2040, thì sau hai thập niên có thể hình thành những tập đoàn công nghệ bản địa, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này đã được chứng minh ở Hàn Quốc và Đài Loan.

Thứ hai, giáo dục và nhân lực được tái cấu trúc theo hướng khuyến khích sáng tạo, thay vì chỉ chú trọng thi cử. Việt Nam có thể trở thành trung tâm nhân lực chất lượng cao của Đông Nam Á, nhất là trong lĩnh vực AI, bán dẫn, năng lượng tái tạo.

Thứ ba, đối ngoại – an ninh đạt cân bằng chiến lược. Nếu Việt Nam duy trì được quan hệ đối tác toàn diện với Mỹ, đồng thời kiểm soát quan hệ phụ thuộc với Trung Quốc, thì sẽ vừa thu hút được đầu tư công nghệ cao, vừa giữ được độc lập chính trị.

Nếu Việt Nam cải cách mạnh mẽ thể chế, tạo môi trường quản lý đất nước minh bạch, đầu tư vào giáo dục và công nghệ, tận dụng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, thì có thể bứt phá, trở thành một quốc gia tầm trung mạnh ở châu Á, tương tự Hàn Quốc cuối thế kỷ XX.

2- Kịch bản tiêu cực

Ở chiều ngược lại, nếu cải cách thể chế tiếp tục trì hoãn, tham nhũng không được xử lý tận gốc, và chính quyền vẫn đặt lợi ích nhóm lên trên lợi ích dân tộc, thì nền kinh tế sẽ bị mắc kẹt trong “bẫy thu nhập trung bình thấp”.

Trong trường hợp này, Việt Nam vẫn tăng trưởng, nhưng chỉ quanh mức 3–4%/năm. GDP bình quân đầu người đến 2045 chỉ đạt 8.000–9.000 USD, tụt hậu xa so với các nước láng giềng như Malaysia hay Thái Lan.

Nguy hiểm hơn, sự phụ thuộc kinh tế vào TC sẽ ngày càng sâu sắc như nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị, công nghệ từ TC chiếm đa số, trong khi thị trường xuất khẩu lại dễ bị tổn thương trước các biện pháp bảo hộ của Mỹ và EU. Điều này dẫn tới thế “vừa yếu, vừa lệ thuộc”.

Trong kịch bản xấu hơn, căng thẳng Biển Đông có thể leo thang thành xung đột cục bộ, buộc Việt Nam phải lựa chọn phe, làm mất thế cân bằng ngoại giao. Nếu điều này xảy ra, vận nước sẽ bước vào chu kỳ suy vi, có nguy cơ lặp lại những sai lầm lịch sử thế kỷ XIX.

Tóm lại, nếu Việt Nam tiếp tục trì trệ, phụ thuộc vào Trung Cộng, không cải cách thể chế hay cải cách nửa vời, thì sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình “thấp” như hiện tại. Biển Đông dần dần sẽ mất dần thực quyền. Lòng tin xã hội của người dân suy giảm, chảy máu chất xám gia tăng, nguy cơ bất ổn nội bộ.

3- Kịch bản trung dung

Nếu kinh tế Việt Nam vẫn dựa nhiều vào FDI, nhưng có một số ngành địa phương phát triển (ICT, năng lượng tái tạo, logistics), cùng với tầng lớp trung lưu trong xã hội chiếm khoảng 40% dân số, song phân hóa giàu nghèo vẫn tồn tại. Về chính trị tuy việc duy trì ổn định, nhưng cải cách dân chủ chậm, niềm tin xã hội vừa đủ để tránh khủng hoảng, nhưng không đủ để tạo sức bật. Đặc biệt, trong đối ngoại, Việt Nam duy trì “đu dây”, nhưng các áp lực từ Mỹ và TC khiến không gian chiến lược bị bó hẹp.

Như vậy, viễn cảnh thực tế là “một Việt Nam phát triển trung bình, ổn định, nhưng chưa bứt phá”. Đây có thể coi là điểm cân bằng giữa ước mơ và thực tại, giữa cơ hội và rủi ro.

Khả dĩ nhất trong ngắn hạn, Việt Nam duy trì tăng trưởng vừa phải, tiếp tục “cân bằng” giữa Mỹ – Trung, nhưng không bứt phá. Kinh tế tiến lên nhưng vẫn lệ thuộc, xã hội có tiến bộ nhưng không giải quyết tận gốc.

D- Con đường cần đi cho Việt Nam

1. ***Cải cách thể chế***: Xây dựng một Nhà nước pháp quyền thực chất, minh bạch, có đối trọng quyền lực.
2. ***Đầu tư vào giáo dục – khoa học – công nghệ***: Lấy con người và sự sáng tạo làm nền tảng. Nâng chỉ tiêu R&D lên tối thiểu 1,5% GDP vào 2030. ***Đa dạng hóa kinh tế***: Giảm lệ thuộc Trung Cộng, phát triển công nghiệp tự chủ.
3. ***Chiến lược biển và quốc phòng***: Bảo vệ Biển Đông bằng kết hợp pháp lý, ngoại giao, và liên kết khu vực. Tăng ngân sách quốc phòng lên 2% GDP (hiện khoảng 1,4%), cùng củng cố năng lực hải quân.
4. ***Khơi dậy sức mạnh dân tộc***: Đặt người dân vào trung tâm, nuôi dưỡng tinh thần tự cường dân tộc.

E- Kết luận

Qua phân tích trên, có thể thấy: thế nước Việt Nam – vị trí địa – chiến lược, dân số lớn, cửa ngõ Biển Đông – vẫn là lợi thế quan trọng. Vận nước, tức sức mạnh nội tại của dân tộc, lại đang bị hạn chế bởi nhiều yếu tố: thể chế chính trị chưa đủ minh bạch, giáo dục và khoa học công nghệ chưa phát triển tương xứng, phân hóa xã hội và già hóa dân số nhanh, cùng những thách thức môi trường và biến đổi khí hậu.

Thế nước Việt Nam hôm nay đang ở vào một vận hội lớn và chiếm một vị trí chiến lược quan trọng, với kinh tế tăng trưởng trung bình, hội nhập vào toàn cầu. Nhưng vận nước lại đối diện nguy cơ suy kiệt nội lực: ***- Thể chế trì trệ - Tham nhũng - Giáo dục yếu kém - Môi trường xuống cấp - Xã hội bất an.***

Viễn cảnh thực tế và tiêu cực: Chúng ta cần thẳng thắn nhìn thẳng vấn đề cho đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm độc lập(?)), ước tính GDP trung bình đầu người chỉ đạt 7.000–8.000 USD, vẫn dưới mức Hàn Quốc 1995. Biển Đông sẽ mất dần dần thực quyền, Việt Nam trở thành “vệ tinh kinh tế” của TC. Nạn chảy máu chất xám gia tăng, trí thức và thanh niên tài năng rời bỏ đất nước. Xã hội già hóa, quỹ hưu trí cạn kiệt, an sinh đổ vỡ, lòng tin nhân dân suy giảm.

Nếu nhìn theo ba kịch bản đã phân tích, viễn cảnh có thể rút gọn như sau:

- **Tích cực:** Việt Nam cải cách sâu, năng suất lao động tăng, công nghệ nội sinh phát triển. Đến năm 2045, GDP bình quân đầu người có thể đạt 15–18.000 USD, trở thành quốc gia công nghiệp mới, tự chủ kinh tế, giữ được thế cân bằng chiến lược trước Mỹ – Trung. Đây là con đường “cắt cánh” hiếm có, nhưng có thể thực hiện nếu có quyết tâm chính trị và xã hội cao.
- **Tiêu cực:** Nếu trì trệ, Việt Nam vẫn tăng trưởng, nhưng lệ thuộc FDI và Trung Quốc, GDP bình quân đầu người chỉ đạt 8–9.000 USD vào 2045. Biển Đông tiếp tục là vùng xung đột tiềm ẩn, dân số già hóa và phân hóa xã hội nghiêm trọng, khiến vận nước bị suy giảm. Trong trường hợp xấu hơn, Việt Nam sẽ lặp lại lịch sử thế kỷ XIX: thế mạnh địa chiến lược không được tận dụng, vận nước đi xuống, dân tộc dễ bị thao túng.
- **Thực tế:** Xác suất cao nhất là tiến từng bước. Việt Nam tăng trưởng 5–6%/năm, GDP bình quân đầu người đạt 12–13.000 USD. Dù không bị tụt hậu, nhưng khó bứt phá. Một phần dân cư hưởng lợi, một phần vẫn bị bỏ lại, còn không gian chiến lược quốc tế bị thu hẹp bởi cạnh tranh Mỹ – Trung. Đây là viễn cảnh “**cân bằng**” giữa cơ hội và rủi ro, nhưng cũng phản ánh hạn chế của vận nước hiện nay

Nếu cải cách không xảy ra, Việt Nam sẽ trở thành một “công xưởng rẻ tiền” phục vụ chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng không bao giờ bứt phá thành quốc gia phát triển.

Nếu việc lệ thuộc vào TC tiếp tục gia tăng, vận nước sẽ bị khóa chặt: chủ quyền Biển Đông xói mòn, an ninh quốc gia bị khống chế, kinh tế lệ thuộc, văn hóa bị áp lực đồng hóa.

Và nếu xã hội mất lòng tin, chảy máu chất xám gia tăng, thì sức mạnh dân tộc sẽ dần tan rã.

Nói cách khác, **thế nước đang mở ra cơ hội, nhưng vận nước lại bị trói buộc.**

Tương lai Việt Nam sẽ tùy thuộc vào ý chí dân tộc và cải cách thể chế.

Nếu dám thay đổi, đất nước có thể hóa rồng.

Nếu không, viễn cảnh thực tế và tiêu cực hơn là một quốc gia tầm trung trì trệ, lệ thuộc, và bị lãng quên trong thế kỷ XXI.

Mai Thanh Truyết
Con đường Việt Nam
Tháng 9 - 2025